TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THÁI BÌNH** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 20/2025/QĐST-HNGĐ	*TP. Thái Bình, ngày 17 tháng 02 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 233/2023/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2023 giữa:

Nguyên đơn: Ông Lê Minh T, sinh năm 1961.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 9, phường T1, thành phố T2, tỉnh T2.

Nơi cư trú: Ki ốt 102, Chung cư CT3, khu đô thị 5, tổ 8, phường T1, thành phố T2, tỉnh T2.

Bị đơn: Bà Trần Thị L, sinh năm 1970.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 9, phường T1, thành phố T2, tỉnh T2.

Nơi cư trú: Ki ốt 102, Chung cư CT3, khu đô thị 5, tổ 8, phường T1, thành phố T2, tỉnh T2.

Chỗ ở: Số nhà 20, ngõ 10, đường N, quận C, thành phố H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Trần Thị L1, sinh năm 1963.

Nơi cư trú: Ki ốt 108, Chung cư CT1, khu đô thị 5, tổ 8, phường T1, thành phố T2, tỉnh T2.

- Bà Trần Thị V, sinh năm 1961.

Nơi cư trú: Số nhà 12/3, đường B, tổ 15, phường T3, thành phố T2, tỉnh T2.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 59, 60, 62, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 07 tháng 02 năm 2025.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 07 tháng 02 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Lê Minh T và bà Trần Thị L.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Ông Lê Minh T và bà Trần Thị L có 02 con chung là Lê Minh Diệu L2, sinh ngày 16/4/1994 và Lê Minh H1, sinh ngày 25/10/1999. Hai con chung đều đã trên 18 tuổi, không bị nhược điểm về thể chất và tâm thần nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà Trần Thị L được toàn quyền sử dụng Ki ốt 102, Chung cư CT3, khu đô thị 5, tổ 8, phường T1, thành phố T2, tỉnh T2 theo Hợp đồng chuyển quyền sử dụng Ki ốt chung cư CT3 số 102/HĐ/FBS ngày 01/2/2018 được ký kết giữa ông Lê Minh T, bà Trần Thị L và Công ty cổ phần tài chính phát triển doanh nghiệp (FBS). Bà Trần Thị L có nghĩa vụ thanh toán cho ông Lê Minh T giá trị tài sản là 450.000.000 đồng *(bốn trăm năm mươi triệu đồng)*, thời hạn thanh toán đến ngày 03/3/2025.

- Về nợ chung: Bà Trần Thị L có nghĩa vụ trả nợ cho bà Trần Thị V số tiền 100.000.000 đồng *(một trăm triệu đồng)*, trả nợ cho bà Trần Thị L1 số tiền 125.000.000 đồng *(một trăm hai mươi lăm triệu đồng)*.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về án phí: Ông Lê Minh T, bà Trần Thị V, bà Trần Thị L1 được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại ông Lê Minh T số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001495 ngày 05/7/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Bình.

Trả lại bà Trần Thị V số tiền 2.500.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo

biên lai thu tạm ứng án phí số 0001355 ngày 31/7/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Bình.

Trả lại bà Trần Thị L1 số tiền 3.125.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001356 ngày 31/7/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Bình.

Bà Trần Thị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với việc phân chia tài sản chung (đương sự tự thỏa thuận phân chia tài sản chung của vợ chồng trước khi Tòa án tiến hành hòa giải). Bà Trần Thị L phải chịu 75.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 5.625.000 đồng án phí nghĩa vụ trả nợ. Tổng số tiền án phí mà bà L phải nộp là 5.700.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp là 7.500.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001204 ngày 01/4/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, trả lại bà L 1.800.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND TP. Thái Bình;
- UBND phường Q, TP T2, tỉnh T2 (GCNKH số 41 ngày 29/4/1994);
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Lý